TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2023
V/v: "Ly hôn giữa Bà Th và ông L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Khoa.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 214/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 20/50 N V K, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Minh L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 07 N H Đ, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/4/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc Th trình bày: Bà Th và ông L tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V T, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2010.

Lý do Bà Th yêu cầu xin ly hôn: Bà Th cho rằng, do quá trình chung

sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử hàng ngày do ông L không lo làm ăn, thường hay ăn nhậu, sống thiếu trách nhiệm với vợ, con, nhiều lần xúc phạm đến Bà Th. Cả hai đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm; đôi bên đã tự ly thân với nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà Th làm đơn xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Th xác nhận có 01 người con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 16/01/2010.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng Bà Th yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Th yêu cầu được nuôi người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 16/01/2010, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Minh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như tống đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên toà hợp lệ, nhưng bị đơn ông L vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Lê Minh L.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông L tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V T, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2010. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn

nhân giữa Bà Th và ông L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng Bà Th, ông L không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc; xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến, vợ chồng thường hay cự cải, xúc phạm nhau; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục để hòa giải hôn nhân và gia đình nhưng ông L cố tình lánh mặt không đến Tòa án, điều đó thể hiện ông L cũng không có mong muốn trong việc hàn gắn lại tình cảm với Bà Th; đôi bên cũng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà Th và ông L đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Th được ly hôn với ông L.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 16/01/2010. Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 12/6/2023, người con chung thể hiện nguyện vọng muốn được sống với mẹ là Bà Th.

Xét thấy, quá trình trông nom, nuôi dưỡng con chung, Bà Th đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Do đó, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt, cũng như tôn trọng nguyện vọng của người con chung. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 16/01/2010 cho Bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do Bà Th không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông L vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Trường hợp, ông L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Ngọc Th và ông Lê Minh L.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 16/01/2010 cho Bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

ông L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, ông L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn**:** Bà Th phải nộp 300.000 đồng. Bà Th đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007366, ngày 12/4/2023 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên Bà Th được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Th có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa